

Chi phí chương trình tiêm chủng mở rộng tại huyện Bát Xát và thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai năm 2014

Ngô Mạnh Vũ¹, Hoàng Văn Minh², Phạm Đức Mạnh³, Nguyễn Thị Mai An⁴

Nghiên cứu phân tích cơ cấu nguồn ngân sách cấp, thực trạng chi tiêu của CTTCMR và ước tính chi phí đơn vị của chương trình tại huyện miền núi, vùng cao biên giới Bát Xát và thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai năm 2014. Chi phí được tính toán dựa trên hoạt động từ quan điểm của nhà cung cấp dịch vụ, sử dụng phương pháp điều tra hồi cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn ngân sách cho CTTCMR tại địa bàn nghiên cứu được cung cấp chủ yếu từ CTTCMR quốc gia và NSNN cấp cho y tế tuyến huyện. Tổng chi tiêu của CTTCMR tại huyện Bát Xát năm 2014 là 2.748.514.000 đồng, cao hơn thành phố Lào Cai là 2.393.584.000 đồng, trong đó chi thường xuyên chiếm phần lớn, đặc biệt là chi tiêu cho vắc xin, nhân lực và theo dõi, giám sát. Chi phí trung bình mũi tiêm của tất cả các loại vắc xin tại Bát Xát là 44.005 đồng (2,07 USD) cao hơn so với thành phố Lào Cai là 36.874 đồng (1,74 USD). Chi phí cho mỗi trẻ được tiêm chủng đầy đủ tại Bát Xát là 505.312 đồng (23,8 USD) và tại thành phố Lào Cai là 438.734 đồng (20,7 USD), cao hơn ngưỡng chi phí hiệu quả ở những nước đang phát triển theo đánh giá của WHO (15 USD).

Từ khóa: Chi phí, tiêm chủng, chương trình tiêm chủng mở rộng, Việt nam

Expenditure for EPI program in Bat Xat district and Lao Cai city, Lao Cai province in 2014

Ngô Mạnh Vũ¹, Hoàng Văn Minh², Phạm Đức Mạnh³, Nguyễn Thị Mai An⁴

The study aims to analyse the structure of budget allocation, actual expenditure for EPI program and estimated unit cost of the program in Bat Xat district and Lao Cai city, Lao Cai province in 2014. This is a retrospective study utilizing activity-based costing method, with the basis of service provider's perspective. Results showed that the main source of budget for EPI program was the State budget allocation. Total expenditure of the EPI program in 2014 was 2.748.514.000 VND in Bat Xat district, and 2.393.584.000 VND in Lao Cai city. Of which, recurrent expenditure accounted for the largest share, especially expenditure on vaccines, personnel, monitoring and supervision. The average cost of

each full-dose injection in Bat Xat was 44,005 VND (2.07 USD), which was higher compared to the one in Lao Cai city with 36,874 VND (1.7 USD). The cost per fully immunized child was 505,312 VND (23.8 USD) in Bat Xat and 438,734 VND (20.7 USD) in Lao Cai city. The costs are higher than the cost-effectiveness thresholds for developing countries referenced by the WHO's assessment of 15 USD.

Key words: Cost, immunization, EPI, Vietnam

Tác giả:

1. Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Y tế
2. Trường Đại học Y tế Công cộng
3. Cục Phòng chống HIV/AIDS, Bộ Y tế
4. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, CTTCMR được coi là một trong những ưu tiên hàng đầu về y tế tại các nước đang phát triển [4, 5], đây là sáng kiến được Tổ chức Y tế Thế giới đưa ra và thực hiện từ năm 1974 và ban hành lịch tiêm chủng chính thức phòng chống 7 bệnh lây truyền cơ bản là đậu mùa, lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt và sởi vào năm 1984 [9].

Tại Việt Nam, CTTCMR bắt đầu được triển khai từ năm 1981 với sự hỗ trợ của Tổ chức Y tế Thế giới và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, và trở thành một trong sáu chương trình mục tiêu quốc gia năm 1986 [1]. Nguồn tài chính dành cho CTTCMR tại Việt Nam hiện nay bao gồm ngân sách nhà nước, ngân sách của địa phương và cơ sở y tế. Trong đó, nguồn viện trợ nước ngoài chiếm khoảng 54% tổng chi phí ngân sách nhà nước cho CTTCMR. Trong thời gian tới, khi các nguồn viện trợ nước ngoài ngày càng giảm đi do Việt Nam được công nhận nước thoát nghèo, thì nguồn ngân sách nhà nước cấp và ngân sách địa phương sẽ đóng vai trò quan trọng đối với CTTCMR tại Việt Nam.

Để có thể xây dựng kế hoạch ngân sách CTTCMR phù hợp thì các bằng chứng khoa học về nguồn lực, chi tiêu của CTTCMR và chi phí đơn vị là hết sức cần thiết đối với các nhà hoạch định chính sách. Tuy nhiên, còn thiếu những nghiên cứu chi phí CTTCMR tại các tỉnh vùng cao miền núi phía Bắc và sự khác nhau giữa khu vực thành thị và huyện miền núi. Xuất phát từ mong muốn đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với hai mục tiêu cụ thể như sau:

1. Xác định cơ cấu nguồn và chi tiêu của chương trình tiêm chủng mở rộng tại huyện Bát Xát và thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai năm 2014.

2. Ước tính chi phí đơn vị của chương trình tiêm chủng mở rộng tại địa bàn nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Địa điểm:

Huyện Bát Xát: Huyện vùng cao biên giới, trên 70% là đồi núi, dân tộc thiểu số chiếm 82%. Hàng tháng toàn huyện triển khai tiêm chủng tại 23 điểm tiêm tại TYT và 109 điểm tiêm chủng ngoài trạm đối với những thôn, bản vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn.

Thành phố Lào Cai: Đại diện khu vực thành phố của tỉnh, dân tộc kinh chiếm 76,4%. Hàng tháng toàn thành phố triển khai 17 điểm tiêm chủng tại TYT và 05 điểm tiêm ngoài trạm.

2.2. Thời gian nghiên cứu: 12 tháng (năm 2014).

2.3. Đối tượng: CTTCMR tại huyện Bát Xát và thành phố Lào Cai, các đơn vị thực hiện chương trình và các đối tượng thụ hưởng.

2.4. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu tính toán chi phí dựa trên hoạt động, sử dụng phương pháp điều tra hồi cứu.

2.5. Cỡ mẫu và chọn mẫu: Chọn chủ đích huyện Bát Xát có 23 xã, thị trấn; Thành phố Lào Cai có 17

xã, phường. Nghiên cứu được tiến hành tại TTYTDP tỉnh Lào Cai, TTYT huyện Bát Xát, TTYT thành phố Lào Cai và tất cả các TYT của 2 huyện, thành phố nêu trên.

2.6. Quan điểm và phạm vi chi phí: Nghiên cứu ước tính các chi phí của CTTCMR từ quan điểm của nhà cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí tại TTYTDP tỉnh Lào Cai, TTYT huyện Bát Xát, TTYT thành phố Lào Cai và các TYT thuộc địa bàn nghiên cứu. Nghiên cứu không tính chi phí mua đất, xây dựng nhà, các khóa đào tạo dài hạn và chi phí các hoạt động ở cấp trung ương (Xây dựng chính sách, quản lý, đánh giá chương trình, đào tạo, truyền thông...).

2.7. Thu thập số liệu: Hồi cứu sổ sách ghi chép tại Phòng Tài chính Kế toán của đơn vị nghiên cứu để thu thập thông tin về chi phí cho các nội dung chi của CTTCMR. Sử dụng phiếu khảo sát để thu thập số liệu thứ cấp.

Nghiên cứu viên hướng dẫn một số cán bộ là chuyên trách CTTCMR, cán bộ tài chính của đơn vị về phương pháp điền phiếu khảo sát. Các nghiên cứu viên sẽ giám sát quá trình thu thập số liệu.

2.8. Phương pháp tính toán chi phí: Các số liệu về chi phí CTTCMR được thu thập bằng phương pháp thành tố (Ingredient), liệt kê từng loại nguồn lực, số lượng, thời gian, giá cả nguồn lực để tính toán chi phí của CTTCMR.

Chi phí bao gồm các chi phí vốn và chi phí thường xuyên cho các bộ phận trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiêm chủng và các phòng chức năng tham gia điều hành và hỗ trợ hoạt động của CTTCMR của TTYTDP tỉnh Lào Cai, TTYT huyện Bát Xát, TTYT thành phố Lào Cai và các TYT xã thuộc 2 huyện, thành phố nghiên cứu. Tổng chi phí của CTTCMR bằng tổng chi phí CTTCMR của tuyến tỉnh (phân bổ xuống huyện dựa theo mũi tiêm) cộng với tổng chi phí CTTCMR tuyến huyện (theo thực tế) và tổng chi phí CTTCMR của tất cả các TYT (theo thực tế).

2.9. Quản lý, xử lý và phân tích số liệu: Số liệu sau khi thu thập được làm sạch, nhập và phân tích bằng phần mềm Excel:

Tỷ lệ hao phí vắc xin = $\frac{[\text{Tổng số liều dùng} - \text{Tổng số mũi tiêm}]}{\text{Tổng số liều dùng}} \times 100$.

Tỷ lệ các nguồn ngân sách cấp cho CTTCMR = $\% \text{ CTTCMR QG} + \% \text{ NSNN cấp cho y tế tuyến tỉnh} + \% \text{ NSNN cấp cho y tế tuyến huyện} + \% \text{ Dự án viện trợ cho TCMR}$.

Tổng chi tiêu của CTTCMR = Tổng chi tiêu đầu tư + Tổng chi tiêu thường xuyên.

Chi tiêu đầu tư = $(\text{Trị giá tài sản cố định vào năm 2014}) \times (\text{Hệ số khấu hao đơn giản}) \times (\% \text{ thời gian sử dụng cho CTTCMR năm 2014})$. Trong đó trị giá của tài sản cố định vào năm 2014 = $(\text{Giá mua ban đầu của hạng mục}) \times (\text{CPI năm 2014} / \text{CPI năm mua})$.

Chi tiêu thường xuyên:

- Chi tiêu nhân công CTTCMR năm 2014 = $(\text{Tổng thu nhập của nhân sự năm 2014}) \times (\% \text{ thời gian nhân sự tham gia CTTCMR})$.

- Chi tiêu của mỗi loại vắc xin CTTCMR năm 2014 = $(\text{Số liều vắc xin đã sử dụng}) \times (\text{Giá vắc xin})$.

- Chi phí mũi tiêm của mỗi loại vắc xin CTTCMR năm 2014 = $(\text{Tổng chi tiêu của mỗi loại vắc xin trong CTTCMR năm 2014}) / (\text{Tổng số mũi tiêm của loại vắc xin đó năm 2014})$.

- Chi tiêu cho những khoản mục khác như vật tư tiêu hao, duy trì, bảo dưỡng dây chuyền lạnh, đào tạo thường xuyên, điện, nước, xăng xe, truyền thông, văn phòng phẩm, các dịch vụ công cộng... được tính toán theo số liệu thực tế.

Chi phí trung bình 01 mũi vắc xin được tiêm = Chi phí vốn trung bình 01 mũi vắc xin + Chi phí thường xuyên trung bình 01 mũi tiêm. Trong đó:

+ Chi phí vốn trung bình 01 mũi tiêm của các loại vắc xin (bao gồm TTB dây truyền lạnh và xe vận chuyển...) được chia đều bằng nhau theo ý kiến các chuyên gia = $(\text{Tổng chi phí vốn}) / (\text{Tổng số mũi tiêm vắc xin năm 2014})$.

+ Chi phí thường xuyên trung bình 01 mũi tiêm của các loại (bao gồm lương nhân công, vận hành bảo dưỡng, đào tạo tập huấn, theo dõi giám sát, VPP, in ấn, khác ...) được chia đều bằng nhau. Riêng vắc xin, vật tư tiêu hao thì tính theo thực tế từng loại vắc xin.

Chi phí cho 01 trẻ được tiêm chủng đầy đủ = Chi phí trung bình 01 mũi vắc xin BCG + (3 x chi phí trung bình 01 mũi vắc xin DPT-VGB-Hib) + (3 x chi phí trung bình 01 mũi vắc xin OPV được uống) + Chi phí trung bình 01 mũi vắc xin sởi.

3. Kết quả

Bảng 1. Số liệu đã dùng, số mũi tiêm và tỷ lệ hao phí vắc xin

Vắc xin	Bát Xát			Tp. Lào Cai		
	Số liều dùng	Số mũi tiêm	Tỷ lệ hao phí (%)	Số liều dùng	Số mũi tiêm	Tỷ lệ hao phí (%)
BCG	5.060	1.795	64,5	4.280	1.907	55,4
DPT-VGB-Hib	8.878	8.273	6,8	7.578	7.316	3,5
DPT	5.080	1.756	65,4	5.200	1.837	64,7
Uốn ván	8.900	4.523	49,2	8.700	3.886	55,3
Sởi	7.770	3.547	54,4	7.410	3.709	49,9
Sởi-Rubella	25.790	23.347	9,5	28.200	25.997	7,8
OPV	9.740	5.638	42,1	10.460	6.696	36,0
Viêm gan B	249	249	0,0	3.600	2.518	30,1
Tổng cộng	71.467	49.128	31,3	75.428	53.866	28,6

CTTCMR tại Bát Xát năm 2014 đã sử dụng 71.467 liều vắc xin, trong đó số mũi tiêm thực tế là 49.128 liều và tỷ lệ hao phí vắc xin trung bình là 31,3%, cao hơn so với thành phố Lào Cai là 28,6%. CTTCMR tại thành phố Lào Cai năm 2014 đã sử dụng 75.428 liều vắc xin và số mũi tiêm thực tế là 53.866 liều. Các loại vắc xin BCG, DPT, Uốn ván, Sởi và OPV ở cả hai huyện đều có tỷ lệ hao phí vắc xin cao hơn so với các loại vắc xin khác.

Bảng 2. Tỷ lệ các nguồn ngân sách cấp cho CTTCMR năm 2014

Nguồn	Bát Xát		TP. Lào Cai	
	Kinh phí (1.000 đồng)	Tỷ lệ %	Kinh phí (1.000 đồng)	Tỷ lệ %
CTTCMR Quốc gia	1.436.090	52,2	1.333.699	55,7
NSNN cấp cho y tế tuyến tỉnh	40.768	1,5	43.995	1,8
NSNN cấp cho y tế tuyến huyện	1.080.413	39,3	840.631	35,1
Dự án viện trợ cho TCMR	191.243	7,0	175.258	7,3
Tổng	2.748.514	100	2.393.584	100

Nguồn ngân sách cấp từ CTTCMR Quốc gia chiếm tỷ lệ cao, thành phố Lào Cai là 55,7%, Bát Xát là 52,2%; tiếp theo là nguồn ngân sách ngành y tế cấp cho tuyến huyện, ở huyện Bát Xát là 39,3% và thành phố Lào Cai là 35,1%; nguồn từ dự án viện trợ và ngành y tế cấp cho tuyến tỉnh chiếm tỷ lệ thấp không đáng kể, giao động từ 7,0% - 7,3% đối với nguồn từ dự án viện trợ và 1,5% - 1,8% đối với nguồn y tế cấp cho tuyến tỉnh.

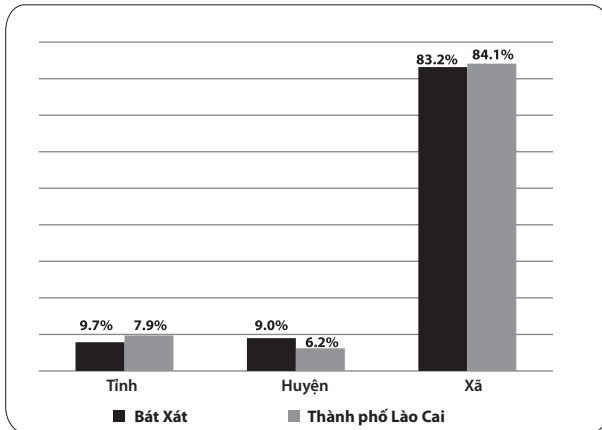
Bảng 3. Chi tiêu cho CTTCMR theo mục chi tại hai huyện năm 2014

Các mục chi	Bát Xát (1000đ)			Tp.Lào Cai (1000đ)		
	Tổng chi tiêu CTTCMR		Chi phí trung bình 01 mũi VX	Tổng chi tiêu CTTCMR		Chi phí trung bình 01 mũi VX
	Chi tiêu	%		Chi tiêu	%	
Tổng chi đầu tư	58.358	2,1	1.073	36.836	1,5	628
TTB dây chuyền lạnh	28.330	1,0	521	18.297	0,8	312
Xe cộ	30.028	1,1	552	18.539	0,8	316
Tổng chi thường xuyên	2.690.155	97,9	42.932	2.356.748	98,5	36.246
Lương nhân công	1.064.970	38,7	19.585	858.034	35,8	14.622
Vắc xin	1.264.778	46	16.498	1.220.356	51	16.273
Vật tư tiêu hao	67.870	2,5	1.469	39.371	1,6	1.278
Vận hành, bảo dưỡng	4.258	0,2	78	8.463	0,4	144
Đào tạo, tập huấn	61.693	2,2	1.135	66.849	2,8	1.139
Theo dõi, giám sát	142.919	5,2	2.628	118.304	4,9	2.016
VPP, in ấn	8.630	0,3	159	5.238	0,2	89
Khác (xăng xe, CTP...)	75.037	2,7	1.380	40.132	1,7	684
Tổng cộng	2.748.513	100	44.005	2.393.584	100	36.874

Tổng chi tiêu thực hiện CTTCMR năm 2014 của huyện Bát Xát là 2.748.514.000 đồng cao hơn thành phố Lào Cai là 2.393.584.000 đồng. Trong đó, chi tiêu đầu tư chiếm tỷ lệ không đáng kể, thành phố Lào Cai là 1,5%, Bát Xát là 2,1%; Chi tiêu thường xuyên chiếm phần lớn tổng chương trình, thành phố Lào Cai chiếm 98,5%, Bát Xát chiếm 97,9%.

Trong số các hạng mục chi tiêu thường xuyên

thì chi vắc xin và lương nhân công là chiếm tỷ lệ cao, chi cho nhân công tại thành phố Lào Cai là 35,8%, tại huyện Bát Xát là 38,7%; Tỷ lệ chi vắc xin tại thành phố Lào Cai chiếm 51,0% và huyện Bát Xát là 46,0%.



Biểu đồ 1. Chi tiêu của CTTCMR tuyển tỉnh, huyện, xã

Kết quả biểu đồ 1 cho thấy chi tiêu của CTTCMR cho tuyển xã của huyện Bát Xát và thành phố Lào Cai chiếm phần lớn với tỷ lệ 83,2% và 84,1%; Chi tiêu tại tuyển tỉnh và huyện không đáng kể, giao động từ 6,2% đến 9,7%.

Bảng 4. Chi phí trung bình của mũi vắc xin được tiêm

Vắc xincủa CTTCMR	Chi phí đơn vị (đồng)	
	Bát Xát	Tp.Lào Cai
BCG	33.044	25.665
DPT-VGB-Hib	114.891	104.889
DPT	34.471	27.359
Uốn ván	29.707	23.053
Sởi	39.566	31.469
Sởi-Rubella	45.385	38.022
OPV	29.343	22.311
Viêm gan B	35.832	32.465
Viêm não Nhật Bản	33.807	26.637
Trung bình	44.005	36.874

Bảng 4 cho thấy chi phí trung bình mỗi mũi tiêm vắc xin các loại tại Bát Xát cao hơn so với thành phố Lào Cai. Chi phí mỗi mũi tiêm BCG tại huyện Bát Xát là 33.044 đồng, thành phố Lào Cai là 25.665 đồng. Mỗi mũi tiêm DPT-VGB-Hib tại Bát Xát là 114.891 đồng, thành phố Lào Cai là 104.889 đồng. Mỗi mũi tiêm DPT tại Bát Xát là 34.471 đồng, tại thành phố Lào Cai là 27.359 đồng. Mỗi mũi tiêm Uốn ván tại Bát

Xát là 29.707 đồng, tại thành phố Lào Cai là 23.053 đồng. Mỗi mũi tiêm Sởi tại Bát Xát là 39.566 đồng, tại thành phố Lào Cai là 31.469 đồng. Mỗi mũi tiêm Sởi-Rubella tại Bát Xát là 45.385 đồng, tại thành phố Lào Cai là 38.022 đồng. Mỗi mũi OPV tại Bát Xát là 29.343 đồng, tại thành phố Lào Cai là 22.311 đồng. Mỗi mũi Viêm gan B tại Bát Xát là 35.832 đồng, tại thành phố Lào Cai là 32.465. Mỗi mũi tiêm Viêm não Nhật Bản tại Bát Xát là 33.807 đồng, tại thành phố Lào Cai là 26.637 đồng.

Bảng 5. Chi phí cho một trẻ được tiêm chủng vắc xin đầy đủ

Các nội dung chi phí	Chi phí đơn vị (đồng)	
	Bát Xát	Tp.Lào Cai
Trẻ được tiêm chủng đầy đủ (8 liều truyền thống)	505.312	438.734
Trẻ được tiêm chủng đầy đủ + 3 liều Viêm gan B	612.808	536.129
Trẻ được tiêm chủng đầy đủ + 3 liều Viêm não NB	606.733	518.645
Trẻ được tiêm chủng đầy đủ + 3 liều vắc xin Viêm gan B+ 3 liều Viêm não NB	714.229	616.040

Kết quả bảng 5 cho thấy chi phí trung bình cho mỗi trẻ được tiêm đầy đủ (bao gồm 8 liều truyền thống là 1 mũi BCG, 3 mũi DPT-VGB-Hib, 3 mũi OPV và 1 mũi sởi) tại huyện Bát Xát là 505.312 đồng, cao hơn thành phố Lào Cai là 438.734 đồng.

4. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn ngân sách cho CTTCMR tại địa bàn nghiên cứu được cung cấp chủ yếu từ CTTCMR quốc gia, tại huyện Bát Xát là 52,2% và thành phố Lào Cai là 55,7%; tiếp theo là nguồn từ NSNN cấp cho y tế tuyển huyện, tại Bát Xát là 39,9% và thành phố Lào Cai là 35,1%; nguồn từ NSNN cấp cho y tế tuyển tỉnh và dự án viện trợ chiếm tỷ lệ không đáng kể, tỷ lệ này ở hai huyện, thành phố giao động trong khoảng 1,5-7,3%. Như vậy, nguồn ngân sách cung cấp từ địa phương cho chương trình chủ yếu là NSNN cấp cho y tế tuyển huyện, khác so với một số nghiên cứu khác: Nghiên cứu do Nguyễn Đình Sơn và cộng sự thực hiện tại Thừa Thiên Huế năm 2008, nguồn từ ngành y tế và UBND xã chiếm phần lớn với 51,71% tại huyện Phú Lộc [2]; Nghiên cứu của Hoàng Văn Minh và cộng sự thực hiện tại huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây năm 2005 cũng cho thấy nguồn ngân sách địa

phương cho CTTCMR chủ yếu từ tuyến xã (trong đó UBND xã 92% và huy động đóng góp của nhân dân là 8%) [3]. Có thể nhận định rằng, nguồn ngân sách từ địa phương cho CTTCMR có sự khác nhau ở mỗi tỉnh, thành phố và sự khác nhau đó còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế-xã hội của từng địa phương, ngoài ra còn phụ thuộc vào từng thời điểm khi mà cơ chế, chính sách của nhà nước, của ngành y tế trong những năm gần đây có sự thay đổi thường xuyên, các luồng tài chính cũng thay đổi theo sự tách, nhập của các tổ chức, đơn vị sự nghiệp y tế tại địa phương.

Nghiên cứu xác định được tổng chi tiêu của CTTCMR năm 2014 tại một huyện vùng cao biên giới tỉnh Lào Cai, huyện Bát Xát là 2.748.514.000 đồng cao hơn thành phố Lào Cai là 2.393.584.000. Trong đó, chi tiêu thường xuyên chiếm phần lớn trong tổng chi tiêu của CTTCMR (97,9% tại Bát Xát và 98,5% tại thành phố Lào Cai), chi cho đầu tư chiếm tỷ lệ không đáng kể. Trong tổng chi thường xuyên thì chi tiêu cho vắc xin, nhân lực, theo dõi và giám sát chiếm tỷ lệ cao nhất và đều được chi tại tuyến xã, bởi vậy mà kết quả nghiên cứu cũng thể hiện rằng chi tiêu của CTTCMR năm 2014 cho tuyến xã chiếm phần lớn chi tiêu của chương trình, huyện Bát Xát chi cho tuyến xã là 83,2%, thành phố Lào Cai là 84,1%. Bát Xát là một huyện vùng cao biên giới, trên 70% đồi núi, dân tộc thiểu số chiếm 82%, trình độ của người dân còn hạn chế, dân cư sống thưa thớt, điều kiện đi lại khó khăn, hoạt động tiêm chủng phải tổ chức chủ yếu tại 109 điểm tiêm chủng ngoài TYT, gần với dân nhưng lại khó khăn cho đơn vị cung cấp dịch vụ, việc thực hiện CTTCMR yêu cầu đội ngũ nhân lực nhiều hơn so với thành phố Lào Cai, chi phí quản lý, theo dõi, giám sát và các chi phí khác cũng tăng theo.

Nghiên cứu cũng cho thấy tỷ lệ hao phí trung bình của vắc xin tiêm chủng tại Bát Xát khá cao (31,3%) và cao hơn so với thành phố Lào Cai (28,6%), đặc biệt là những vắc xin được đóng gói nhiều liều trong một lọ, điều này hoàn toàn phù hợp với nhận định của lãnh đạo và cán bộ y tế huyện Bát Xát: *“Các lọ đã mở và không dùng hết đến cuối buổi cũng phải hủy, nhất là vắc xin đóng gói nhiều liều trong một lọ”* và *“Tỷ lệ hao phí vắc xin ở điểm tiêm chủng ngoài TYT khoảng trên 40% cao hơn so với ở TYT khoảng 20%”*. Tỷ lệ hao phí vắc xin càng cao thì chi phí mua vắc xin tiêm chủng, chi phí từng mũi tiêm càng lớn.

Chi phí trung bình mũi tiêm của tất cả các loại vắc xin là 44.005 đồng (2,07 USD) tại huyện Bát Xát, cao hơn thành phố Lào Cai là 36.874 đồng (1,74 USD). Kết quả nghiên cứu cũng cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Đình Sơn và cộng sự thực hiện tại huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế (1,05 USD) [2], cao hơn kết quả nghiên cứu của Hoàng Văn Minh thực hiện tại huyện Ba Vì, Hà Tây (0,7 USD) [6]. So sánh với kết quả nghiên cứu do Lu L và các cộng sự thực hiện tại Quý Châu, Hắc Giang và Chiết Giang của Trung quốc năm 2004, thấy có sự tương đồng với kết quả nghiên cứu của chúng tôi, chi phí cho một mũi tiêm vắc xin của 3 nơi này là 10,99 nhân dân tệ (tương đương 1,73 USD), 18,68 nhân dân tệ (tương đương 2,94 USD) và 16,5 nhân dân tệ (tương đương 2,6 USD) [7].

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sự khác nhau về chi phí trung bình mũi tiêm của mỗi loại vắc xin, trong đó vắc xin DPT-VGB-Hib có chi phí mũi tiêm cao nhất với 114.891 đồng tại Bát Xát và 104.889 đồng tại thành phố Lào Cai, tiếp theo là vắc xin Sởi-rubella tại Bát Xát là 45.385 đồng và thành phố Lào Cai là 38.022 đồng, thấp nhất là vắc xin OPV tại Bát Xát là 29.343 đồng và thành phố Lào Cai là 22.311 đồng. Chi phí vắc xin và vật tư tiêm chủng có ảnh hưởng đến sự khác nhau về chi phí mũi tiêm của các loại vắc xin. Chi phí vắc xin và vật tư tiêm chủng càng cao thì chi phí trung bình mũi tiêm loại vắc xin đó càng lớn và ngược lại.

Chi phí cho mỗi trẻ được tiêm chủng đầy đủ cũng được coi như một sự đo lường hiệu quả của hệ thống cung cấp dịch vụ tiêm chủng mở rộng. Trong nghiên cứu này thì chi phí cho mỗi trẻ được tiêm chủng đầy đủ 8 mũi vắc xin truyền thống (1 mũi BCG, 3 mũi DPT-VGB-Hib, 3 mũi OPV và 1 mũi sởi) tại Bát Xát là 505.312 đồng (23,8 USD) cao hơn thành phố Lào Cai là 438.734 đồng (20,7 USD). So sánh với kết quả một số nghiên cứu khác nhận thấy chi phí cho mỗi trẻ được tiêm chủng đầy đủ trong nghiên cứu này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Đình Sơn và cộng sự thực hiện tại huyện đồng bằng Phú Lộc, Thừa Thiên Huế là 328.130 đồng (18,8 USD); Cao hơn kết quả nghiên cứu của Hoàng Ngọc Anh và cộng sự thực hiện tại Thái Nguyên năm 2009 là 86.580 đồng; Cao hơn 76.958 đồng (4,81 USD) trong nghiên cứu của Hoàng Văn Minh và cộng sự thực hiện năm 2005 tại Ba Vì, Hà Tây; và cao hơn 15 USD là con số phổ biến dùng để đánh giá chi phí hiệu quả ở những nước đang phát triển [8].

5. Kết luận

Nguồn ngân sách cho CTTCMR tại địa bàn nghiên cứu được cung cấp chủ yếu từ CTTCMR quốc gia, tiếp theo là nguồn từ NSNN cấp cho y tế tuyến huyện, nguồn từ NSNN cấp cho y tế tuyến tỉnh và dự án viện trợ chiếm tỷ lệ không đáng kể. Nguồn ngân sách cấp từ địa phương cho chương trình chủ yếu là NSNN cấp cho y tế tuyến huyện và có sự khác biệt so với một số địa phương khác.

Tổng chi tiêu của CTTCMR tại huyện Bát Xát năm 2014 cao hơn thành phố Lào Cai, trong đó chi tiêu thường xuyên chiếm phần lớn trong tổng chi. Trong chi thường xuyên thì chi tiêu cho vắc xin, nhân lực và theo dõi, giám sát chiếm tỷ lệ cao nhất.

Chi phí trung bình mũi tiêm của tất cả các loại vắc xin tại huyện Bát Xát cao hơn thành phố Lào

Cai, cao hơn so với kết quả của một số nghiên cứu khác thực hiện ở các tỉnh đồng bằng.

Chi phí cho mỗi trẻ được tiêm chủng đầy đủ 8 mũi vắc xin truyền thống tại Bát Xát (23,8 USD) cao hơn thành phố Lào Cai (20,7 USD), cao hơn so với các kết quả nghiên cứu khác tại đồng bằng và cao hơn ngưỡng chi phí hiệu quả ở những nước đang phát triển (15 USD).

Điều kiện kinh tế - xã hội của Bát Xát còn nhiều hạn chế, công tác tiêm chủng thực hiện chủ yếu tại các điểm ngoài trạm, đòi hỏi nhiều nhân lực thực hiện, chi phí quản lý, giám sát và tỷ lệ hao phí vắc xin cao. Đây là nguyên nhân làm cho chi phí CTTCMR, chi phí mũi tiêm và chi phí cho mỗi trẻ được tiêm chủng đầy đủ tại Bát Xát cao hơn so với thành phố Lào Cai.

Tài liệu tham khảo

1. Dự án Tiêm chủng mở rộng Quốc gia (2005), Báo cáo tổng kết 20 năm tiêm chủng mở rộng ở Việt Nam 1985 -2005.
2. Nguyễn Đình Sơn và cộng sự (2009), “Nghiên cứu chi phí - Hiệu quả CTTCMR tại huyện đồng bằng Phú Lộc và huyện miền núi Nam Đông tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2008”, Tạp chí y học dự phòng. Số 2 (101): tr. 116-122.
3. Hoàng Ngọc Anh và cộng sự (2012), “Chi phí chương trình tiêm chủng mở rộng tại tỉnh Thái Nguyên năm 2009”, Tạp chí nghiên cứu y học, tr. 107-110.
4. Canning D, Bloom D E, and Weston M, (2005), The Value of Vaccination. World Economics, 6 (3).
5. Brenzel L and Claquin P (1994), Immunization programs and their costs. Soc Sci Med, 39.

6. Minh H V and others (2005), “Cost of providing the expanded programme on immunization: findings from a facility-based study in Viet Nam, 2005”, Bulletin of the World Health Organization 2008: 429-434.
7. Lu L and others (2004), “Study on the cost of expanded programme on immunization in areas with different economic levels”, Zhonghua Liu Xing Bing Xue Za Zhi.
8. WHO (2007), Economics of immunization: a guide to the literature and other resources, [cited 2015 Oct 03]. Available from: URL: <http://www.who.int/vaccines-documents>.
9. World Health Organization (2006), Immunization – an investment in life.